CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍ
Số 8-H1, Khu ĐTM Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Mẫu số B01- DN
Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**136,688,862,627**	**140,832,185,962**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**48,007,048,425**	**59,260,692,605**
1.Tiền	111		41,907,048,425	9,434,056,217
2. Các khoản tương đương tiền	112		6,100,000,000	49,826,636,388
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**60,220,025,356**	**53,110,949,279**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		60,888,001,992	53,778,925,915
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(667,976,636)	(667,976,636)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**12,677,452,145**	**13,717,030,433**
1. Phải thu khách hàng	131		3,816,707,600	3,816,542,410
2. Trả trước cho người bán	132		1,415,625,474	2,151,223,072
3. Các khoản phải thu khác	135		12,326,508,809	12,630,654,689
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4,881,389,738)	(4,881,389,738)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**15,784,336,701**	**14,743,513,645**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		67,679,900	27,177,811
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,026,640,297	2,598,376,529
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		282,140,196	261,364,248
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		12,407,876,308	11,856,595,057
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	**200**		**167,813,138,905**	**164,116,281,523**
I. Tài sản cố định	**220**		**81,381,144,830**	**76,789,552,377**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		769,692,896	1,013,482,838
- Nguyên giá	*222*		*5,013,391,804*	*5,013,391,804*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(4,243,698,908)*	*(3,999,908,966)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226			-
2. Tài sản cố định vô hình	227		87,658,068	100,258,068
- Nguyên giá	*228*		315,157,000	315,157,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		(227,498,932)	(214,898,932)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		80,523,793,866	75,675,811,471
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**72,497,078,846**	**72,497,078,845**
1. Đầu tư vào công ty con	251		22,496,492,150	22,496,492,150
2. Đầu tư dài hạn khác	258		52,800,000,000	52,800,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2,799,413,304)	(2,799,413,305)
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**13,934,915,229**	**14,829,650,301**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3,934,915,229	4,829,650,301
2. Tài sản dài hạn khác	268		10,000,000,000	10,000,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100 + 200)	**270**		**304,502,001,532**	**304,948,467,485**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**94,627,946,736**	**94,977,835,200**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**52,485,523,860**	**52,835,412,324**
1. Phải trả người bán	312		555,648,025	817,281,518
2. Người mua trả tiền trước	313			-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		80,009,467	366,293,280
4. Phải trả người lao động	315		673,880,423	705,278,577
5. Chi phí phải trả	316			
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		50,587,312,306	50,618,823,768
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		588,673,639	327,735,181
II. Nợ dài hạn	**330**		**42,142,422,876**	**42,142,422,876**
1. Phải trả dài hạn khác	333		26,154,105,000	26,154,105,000
2. Vay và nợ dài hạn	334		15,988,317,876	15,988,317,876
B - NGUỒN VỐN (400 = 410)	**400**		**209,874,054,796**	**209,970,632,285**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**209,874,054,796**	**209,970,632,285**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200,622,650,000	200,622,650,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		669,143,000	419,143,000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,591,057,903	2,441,057,903
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5,991,203,893	6,487,781,382
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**304,502,001,532**	**304,948,467,485**

-

Ngày tháng năm 2014

Người lập biểu

Ngô Quang Tú

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍ

Lê Tiến Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍ
Số 8-H1, Khu ĐTM Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Mẫu số B02-DN
Ban hành kèm theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 Tháng năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6T-Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**			-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	**10**			-
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11			-
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**			-
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,673,408,302	20,182,400,645
5. Chi phí tài chính	22		300,418,521	6,687,224,243
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*			
6. Chi phí bán hàng	24		1,413,107,759	4,111,327,699
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,726,760,408	6,793,191,031
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	**30**		**233,121,614**	**2,590,657,672**
9. Thu nhập khác	31		7,660,281	9,687,503
10. Chi phí khác	32		5,060	2,828,387
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**7,655,221**	**6,859,116**
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (50 = 30 + 40)	**50**		**240,776,835**	**2,597,516,788**
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			37,354,325	431,781,776
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**203,422,510**	**2,165,735,012**

Ngày tháng năm 2014

Người lập biểu

Ngô Quang Tú.

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍ

Lê Tiến Hùng

CONG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU I
Số 8-H1, Khu ĐTM Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Mẫu số B 03-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
6 Tháng năm 2014

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	6T - Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	307,691,220	90,907,017,104
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1,316,052,241)	(83,954,709,093)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1,179,814,277)	(3,815,840,443)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05	(320,416,448)	(91,577,666)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10,322,178,662	125,843,577,729
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(11,349,942,371)	(119,379,661,068)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(3,536,355,455)**	**9,508,806,563**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(4,212,055,270)	(40,520,444,970)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1,300,000,000)	(17,584,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1,054,094,181	9,074,212,500
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7,701,574,047)	(205,135,776)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1,664,364,429	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,795,430,232	9,802,980,652
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(7,699,740,475)**	**(39,432,387,594)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17,548,250)	(57,332,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(17,548,250)**	**(57,332,500)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(11,253,644,180)**	**(29,980,913,531)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**59,260,692,605**	**89,241,606,136**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**48,007,048,425**	**59,260,692,605**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20....

Người lập biểu — ***Tổng Giám Đốc***

Ngô Quang Tú

S.Đ.K.K.D: 0103020480 - C.T.
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM DẦU KHÍ
Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Lê Tiến Hùng